

MẪU CẤU TRÚC HỒ SƠ DOANH NGHIỆP & SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

(Khung điền thông tin chuẩn B2B song ngữ & Kịch bản chào hàng thực chiến)

Tài liệu này cung cấp cho doanh nghiệp mẫu khung thông tin chuẩn tiếng Anh thương mại để tự thiết lập hồ sơ xuất khẩu B2B và kịch bản tiếp cận khách hàng tiềm năng.

PHẦN I: MẪU HỒ SƠ DOANH NGHIỆP (COMPANY PROFILE TEMPLATE)

Doanh nghiệp điền thông tin vào cột bên phải dựa trên các gợi ý tiếng Anh tương đương.

Mục thông tin (Field)	Thuật ngữ Tiếng Anh (English Term)	Thông tin của doanh nghiệp (Your Information)	Gợi ý & Ví dụ (Notes & Examples)
Tên giao dịch chính thức	Registered Company Name		Tên pháp lý đầy đủ trên giấy phép đăng ký kinh doanh. Ví dụ: <i>Viet Coffee Joint Stock Company</i>
Tên thương mại / Thương hiệu	Brand Name / Trade Name		Tên ngắn gọn dùng để quảng bá. Ví dụ: <i>Viet Coffee</i>
Năm thành lập	Year of Establishment		Ví dụ: <i>2015</i>
Mã số thuế / Mã số doanh nghiệp	Business Registration No. / Tax ID		Ví dụ: <i>0312345678</i>
Địa chỉ trụ sở chính	Head Office Address		Địa chỉ văn phòng giao dịch chính bằng tiếng Anh.
Địa chỉ nhà máy / Xưởng sản xuất	Factory Address		Địa chỉ thực tế nơi sản xuất (rất quan trọng đối với buyer).
Diện tích nhà xưởng	Factory Area / Floor Space		Ví dụ: <i>5,000 sq.m (Square Meters)</i>
Tổng số nhân sự	Total Number of Employees		Ví dụ: <i>120 staff (including 15 QC specialists)</i>
Công suất thiết kế tối đa	Design Production Capacity		Ví dụ: <i>3,000 Metric Tons per Year</i>
Sản lượng xuất khẩu	Annual Export Volume		Ví dụ: <i>150 Containers (20ft) per Year</i>

Mục thông tin (Field)	Thuật ngữ Tiếng Anh (English Term)	Thông tin của doanh nghiệp (Your Information)	Gợi ý & Ví dụ (Notes & Examples)
hàng năm			
Các thị trường xuất khẩu chính	Main Export Markets		Ví dụ: <i>Germany, Japan, USA, Middle East</i>
Năng lực gia công	Production Capability		Chọn: <i>OEM (Gia công thương hiệu riêng), ODM (Thiết kế & gia công trọn gói) hoặc OBM (Bán sản phẩm thương hiệu tự có)</i>

PHẦN II: MẪU THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM (PRODUCT SPEC SHEET TEMPLATE)

Bảng thông số kỹ thuật (Spec Sheet) là tài liệu quan trọng nhất để bộ phận mua hàng đối soát chất lượng sản phẩm. Doanh nghiệp cần xây dựng riêng cho từng dòng sản phẩm chủ lực.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM (TECHNICAL SPECIFICATION SHEET)

- **Tên sản phẩm (Product Name):** Robusta Coffee Beans Grade 1 (Honey Process)
- **Mã số HS (HS Code):** 0901.11.10 (Cà phê chưa rang, chưa khử chất caffeine - loại Robusta)

Nhóm thông số (Group)	Chỉ tiêu chất lượng (Technical Parameters)	Mức quy định (Limits / Requirements)	Phương pháp kiểm tra (Test Method)
Chỉ tiêu vật lý (Physical)	Cỡ hạt (Screen Size)	Min 90% on Screen No. 18 (7.1mm)	TCVN 4807 / ISO 4150
	Độ ẩm (Moisture Content)	Max 12.5%	ISO 6673
	Tỷ lệ tạp chất (Foreign Matter)	Max 0.5%	TCVN 4807 / ISO 4150
	Tỷ lệ hạt vỡ / đen (Defects / Black beans)	Max 2.0%	TCVN 4807 / ISO 4150
Chỉ tiêu hóa lý (Chemical)	Hàm lượng Caffeine (Caffeine Content)	Min 2.0% (on dry basis)	High-Performance Liquid Chromatography (HPLC)
	Dư lượng thuốc BVTN (Pesticide Residue)	Complies with EU Regulation 396/2005	GC-MS / LC-MS-MS
Chỉ tiêu vi sinh (Microbiological)	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	Max 10 ⁴ CFU/g	ISO 4833-1
	Nấm men & Nấm mốc (Yeast & Mold)	Max 10 ² CFU/g	ISO 21527-2
	Độc tố Ochratoxin A (OTA)	Max 5.0 ppb (µg/kg)	EN 14132 (HPLC- FLD)

PHẦN III: MẪU ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI TIÊU CHUẨN (COMMERCIAL TERMS TEMPLATE)

Các điều khoản thương mại chuẩn giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian báo giá và đàm phán hợp đồng.

1. SỐ LƯỢNG ĐẶT HÀNG TỐI THIỂU (MOQ - MINIMUM ORDER QUANTITY)

- *Mẫu viết tiếng Anh:* Minimum Order Quantity (MOQ): 1x20ft Container (approx. 18 - 19.2 Metric Tons).
- *Gợi ý:* Nếu sản phẩm đóng gói nhỏ hoặc có giá trị rất cao (như thủ công mỹ nghệ, gia vị đặc sản), MOQ có thể tính theo số lượng thùng (carton) hoặc số lượng pallet (ví dụ: MOQ: 5 Pallets or 100 Cartons).

2. CHÍNH SÁCH CUNG CẤP MẪU THỬ (SAMPLE POLICY)

- *Mẫu viết tiếng Anh:* Samples up to 500 grams are free of charge. The international courier/express shipping cost (DHL/FedEx/TNT) shall be borne by the buyer.
- *Gợi ý:* Luôn thể hiện sự thiện chí bằng cách cung cấp mẫu thử miễn phí nhưng yêu cầu buyer trả cước vận chuyển mẫu để sàng lọc những buyer ảo không có nhu cầu thật.

3. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN QUỐC TẾ (PAYMENT TERMS)

- *Mẫu viết tiếng Anh:*
 - Lựa chọn 1 (T/T): 30% deposit via Telegraphic Transfer (T/T) upon contract signing, 70% balance payment upon receipt of the scan of Bill of Lading (B/L) and shipping documents.
 - Lựa chọn 2 (L/C): 100% Irrevocable Letter of Credit (L/C) at sight opened through a first-class international bank.

4. THỜI GIAN SẢN XUẤT & GIAO HÀNG (LEAD TIME)

- *Mẫu viết tiếng Anh:* Estimated production lead time: 15 to 20 days after receiving the advance payment (deposit) or official L/C confirmation. Delivery term: FOB Cat Lai Port, Ho Chi Minh City (Incoterms 2020).

PHẦN IV: KỊCH BẢN CHÀO HÀNG THỰC CHIẾN (OUTREACH SCRIPTS)

(Kịch bản cá nhân hóa bằng AI gửi qua LinkedIn/Email)

1. KỊCH BẢN TIẾP CẬN TRỰC TIẾP (DIRECT PITCH - LINKEDIN)

Subject: High-quality [Ngành hàng] from [Tên quốc gia] - Potential Supplier

Hi [Tên Buyer], I noticed you are importing [Tên sản phẩm] for the [Tên thị trường, ví dụ: EU market]. As an established factory in Vietnam specializing in [Sản phẩm chính] with certifications [HACCP / ISO 22000 / EUDR Ready], we currently supply to partners in [Tên thị trường xuất khẩu]. Our actual capacity is [Số lượng] tons/month, and we can offer [Sản phẩm] at competitive FOB Cat Lai rates.

Would you be open to receiving our latest catalog and product spec sheets?

Best regards, [Họ tên] - [Chức vụ] [Tên công ty]

2. TIÊU CHUẨN ĐỊNH VỊ LEAD “VÀNG” (CRM QUALIFICATION)

Trước khi lưu trữ thông tin khách hàng vào danh sách tiếp cận, FWD và Sales cần đối soát 3 tiêu chí:

1. **Sản lượng nhập khẩu:** Khách hàng nhập tối thiểu >5 container/năm (đối soát qua Tendata).
2. **Đúng người quyết định:** Tìm được đúng người làm Purchasing, Sourcing Manager, CEO hoặc Owner trên LinkedIn.
3. **LinkedIn hoạt động thật:** Tài khoản có avatar, thông tin rõ ràng và có tương tác gần đây.